



## Bài báo nghiên cứu

# TƯ TƯỞNG TRỌNG LỄ TRONG KINH THƯ VÀ XUÂN THU TẢ TRUYỆN (CHƯƠNG HOÀN CÔNG)

Phạm Thị Thúy Hằng

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thúy Hằng – Email: [hangpth@hcmue.edu.vn](mailto:hangpth@hcmue.edu.vn)

Ngày nhận bài: 02-11-2021; ngày nhận bài sửa: 29-12-2021; ngày duyệt đăng: 20-01-2022

### TÓM TẮT

Lễ là một nội dung quan trọng của tư tưởng Nho giáo, được đề cập trong hầu hết kinh điển Nho gia với những biểu hiện và những khía cạnh khác nhau. Kinh Thư và Tả Truyện đều nói đến phạm trù lễ, tuy nhiên, xét về bản chất, nội hàm chữ lễ mà hai quyển kinh đề cập có những nét tương đồng và dị biệt. Bài viết này phân tích và so sánh những tương đồng và dị biệt của tư tưởng trọng lễ: Một là, về sự vận động mang tính tất yếu lịch sử của tư tưởng trọng lễ trong kinh điển Nho gia; hai là, những nét tương đồng trong tư tưởng trọng lễ của hai quyển kinh thể hiện tính chất kế thừa truyền thống, còn những dị biệt phản ánh những nét đặc thù lịch sử – xã hội của thời đại. Cụ thể, do điều kiện lịch sử – xã hội, tư tưởng trọng lễ trong Kinh Thư chủ yếu thể hiện trong phạm vi xã tắc, còn tư tưởng trọng lễ trong Tả Truyện mở rộng phạm vi ảnh hưởng, từ phạm vi chính trị – xã hội của một nước đến mối bang giao giữa các nước.

**Từ khóa:** kinh điển Nho gia; Kinh Thư; Lễ; Tả Truyện

### 1. Đặt vấn đề

Lễ là một nội dung quan trọng, được đề cập trong nhiều kinh điển Nho gia. Chính vì vậy, nội hàm, biểu hiện và tác dụng của chữ lễ trong triết học Nho giáo thu hút rất nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Trong tư tưởng Nho giáo, lễ trước tiên thể hiện trong phạm vi tôn giáo, sau mở rộng ra đến những quy củ và phong tục tập quán của đời sống xã hội, và rộng hơn nữa là phạm vi quốc gia với quyền bính của vua chúa, bổn phận của bề tôi... Đó là một phạm trù rất rộng với các biểu hiện phong phú, đa dạng.

Kinh Thư và Tả Truyện đều có đề cập đến phạm trù lễ, tuy nhiên xét về bản chất, nội hàm chữ lễ mà hai tác phẩm đề cập có những nét tương đồng và dị biệt. Biểu hiện của chữ lễ trong hai quyển kinh cũng có những điểm kế thừa truyền thống và phản ánh những đặc điểm lịch sử - xã hội khác nhau. Nghiên cứu này đi từ việc so sánh tư tưởng trọng lễ trong Kinh Thư và Tả Truyện (Chương Hoàn Công) nhằm chỉ ra những biểu hiện giống và khác

---

**Cite this article as:** Phạm Thị Thúy Hằng (2022). The comparison between the concepts of rite in Kinh Thư (The book of history) and Xuân Thu Tả Truyện (The annals of Spring and Autumn) and the tradition or commentary (Huan Gong Part). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(1), 61-72.

nhau của chữ *lễ* trong hai tác phẩm. Bên cạnh đó, việc phân tích những biểu hiện của tư tưởng trọng *lễ* trong mối tương quan với hoàn cảnh lịch sử xã hội cũng rất cần thiết để thấy được sự vận động mang tính tất yếu của tư tưởng đồng thời bước đầu đưa ra những lí giải về sự khác biệt.

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Quan niệm về lễ

*Thuyết văn giải tự* định nghĩa: 禮, 履也。所以事神致福也。从示从豊, 豊亦聲。 (Xu, 2001, p.21). *Lễ, lí dã. Sở dĩ sự thần trí phúc dã. Tông thị tông lễ, lễ diệc thanh. / Lễ là lí vậy, để thờ thần cầu phúc. Gồm chữ thị và chữ lễ, lễ cũng là để ghi âm.*

*Từ điển Từ Hải* định nghĩa lễ 禮 vốn có nghĩa gốc là kính thần, nghĩa chuyển là biểu thị sự tôn kính, ví dụ như kính lễ, lễ mạo. Nghĩa thứ hai là nghi thức được cử hành một cách tôn kính và long trọng. Thứ ba là những quy phạm đạo đức và quy phạm xã hội do giai cấp quý tộc của xã hội nô lệ hay xã hội phong kiến đặt ra. Ngoài ra, lễ còn có các nghĩa như: lễ vật, tên một quyển sách cổ và họ Lễ. (Shu & Chen, 1999, p.1675)

Sách *Lễ kí*, thiên *Nhạc kí* định nghĩa: 乐者, 天地之和也。礼者, 天地之序也。 *Nhạc giả, thiên địa chi hoà dã. Lễ giả, thiên địa chi tự dã./ Nhạc là sự hoà hợp của trời đất, lễ là thứ tự của trời đất.* (Nguyen, 1999, p.172). Về công dụng của lễ, sách này viết: 大樂與天地同和, 大禮與天地同節。 (Nguyen, 1999, p.173). *Đại nhạc dĩ thiên địa đồng hoà, đại lễ dĩ thiên địa đồng tiết./ Âm nhạc hoàn mỹ hài hòa cùng trời đất, điển lễ trang nghiêm cùng tiết độ như trời đất.* Như vậy, lễ dùng để phân trật tự khác nhau, làm cho mọi vật có trật tự phân minh và duy trì tiết độ.

Hồ Thích trong quyển *Trung Quốc triết học sử đại cương* có viết:

Nay xét theo nghĩa chữ 禮 là do 示 và 豊, ta thấy rằng ban đầu nó hoàn toàn có nghĩa như nghi tiết của một tôn giáo, cho nên dịch là “tôn giáo”. Đây cũng giống như nghĩa của *Thuyết văn* đã nói: “Sở dĩ sự thần trí phúc”... Về sau nghĩa của chữ lễ rộng dần, có ngũ lễ 吉凶軍賓嘉, kiết, hung, quân, tân, gia; lục lễ 冠昏喪祭鄉相見, quan, hôn, tang, tế, hương, tương, kiến; cửu lễ 冠昏朝聘喪祭賓主鄉飲酒軍旅, quan, hôn, triều, sinh, tang, tế, tân chủ, hương, ẩm tửu, quân lữ. Đó là tất cả những nghi văn để xử thế tiếp nhân, thận chung truy viễn vậy. (Hu, 2004, p.216)

Từ các cách định nghĩa trên, có thể thấy, lễ trước tiên là tôn kính thần linh, biểu hiện trong các nghi lễ tôn giáo, nghĩa mở rộng là những quy phạm đạo đức, quy phạm xã hội do tầng lớp thống trị đặt ra, biểu hiện qua mực thước của mọi tập quán phong tục và những cử chỉ hợp với nghĩa lí. Từ quan hệ giữa người với thần mở rộng ra đến quan hệ giữa người với người, từ nghi lễ tôn giáo mở rộng đến nghi thức giao tiếp ứng xử xã hội. Song phạm vi của chữ lễ không chỉ gói gọn vào phạm vi tôn giáo và phạm vi tập quán phong tục, nó còn mở rộng đến những chuẩn mực có thể dựa vào đó để duy trì trị an xã hội. Trong mỗi tác phẩm kinh điển Nho gia, phạm vi và biểu hiện của chữ lễ cũng như tính chất của tư

tượng trọng lễ có điểm giống và khác nhau. Chúng tôi xin phân tích cụ thể trong những mục tiếp sau.

## 2.2. Tư tưởng trọng lễ trong Kinh Thư

### 2.2.1. Đề cao vai trò của lễ trong đời sống tôn giáo và đời sống chính trị

Nội dung chủ yếu của *Kinh Thư* là ghi chép lịch sử Trung Quốc thời thượng cổ, bắt đầu từ thời Nghiêu, Thuấn và kết thúc vào thời Tần Mục Công, bao gồm ba triều đại Hạ, Thương, Chu. Theo kết quả thống kê của chúng tôi, *Kinh Thư* tổng cộng có 18 lần đề cập đến chữ lễ và những việc liên quan đến lễ, trong đó có đến 17 lần là chữ lễ với ý nghĩa tế tự, bao gồm các nghi thức cúng tế trời, tế thần linh, tế trong tang lễ. Toàn bộ tác phẩm chỉ một lần đề cập chữ lễ với tác dụng giáo hóa.

Đúng với nghĩa gốc của chữ lễ, lễ trong *Kinh Thư* trước hết là chỉ những nghi thức cúng tế Thượng Đế, xã tắc, tông miếu. Chương *Thuấn điển* có ghi lại:

歲二月，東巡守，至於岱宗，柴。望秩於山川，肆覲東後。協時月正日，同律度量衡。修五禮、五玉、三帛、二生、一死贄。如五器，卒乃複。五月南巡守，至於南嶽，如岱禮。八月西巡守，至於西嶽，如初。十有一月朔巡守，至於北嶽，如西禮。

(Wang, 2012, p.18-19)

Tuế nhị nguyệt, đông tuần thú, chí vu Đại Tông, sai. Vọng trật ư sơn xuyên, tứ cận đông hậu. Hiệp thời nguyệt, chính nhật, đồng luật độ lượng hành, tu ngũ lễ, ngũ ngọc, tam bạch, nhị sinh, nhất tử chí. Như ngũ khí, tốt nãi phục. Ngũ nguyệt, Nam tuần thú, chí ư Nam Nhạc, như Đại lễ. Bát nguyệt, Tây tuần thú chí ư Tây Nhạc, như sơ. Thập hữu nhất nguyệt, sóc tuần thú chí ư Bắc Nhạc, như Tây lễ. (*Thuấn điển*) / Tháng hai năm ấy, vua Thuấn đi tuần về phía Đông, đến núi Đại Tông, làm lễ phần sải tế Thượng đế, theo thứ tự tế vọng thần núi thần sông. Rồi, tiếp kiến các quốc vương ở phương Đông. Định lại bốn mùa, tháng và ngày. Đặt lại âm luật, cách cân, đong, đo. Chế định năm lễ, quy định năm thứ ngọc, ba thứ lụa, hai giống con vật còn sống, một giống con vật đã chết. Năm loại lễ khí, sau khi tiếp kiến xong đều trả lại. Tháng năm, vua đi tuần thú về phía Nam đến núi Nam Nhạc, các lễ cũng như lúc ở núi Đại Tông. Tháng tám, vua đi tuần thú về phía Tây đến núi Tây Nhạc, các lễ cũng như trước. Tháng mười một, vua đi tuần thú về phía Bắc, đến núi Bắc Nhạc, các lễ cũng như lúc ở núi Tây Nhạc. (*Thuấn điển*)<sup>1</sup>

Phạm trừ lễ trước tiên được thể hiện qua các nghi thức cúng tế. Từ thời vua Thuấn đã đặt ra những quy định rõ ràng về việc cúng tế. Trước hết, chương *Thuấn điển* đã nêu ra các đối tượng tế bao gồm 上帝 Thượng đế, 六宗 lục tông (sáu vị tông thần bao gồm 四時 tứ thời: thần coi về bốn mùa, 寒暑 hàn thử: thần coi về rét, nực, 日 nhật: thần mặt trời, 月 nguyệt: thần mặt trăng, 星 tinh: thần sao, 水旱 thủy hạn: thần coi về thủy hạn). Về thời gian tế thì ứng với mỗi mốc thời gian trong năm thì theo quy định tế đối tượng nào, ví dụ mùa xuân là tế trời đất (tế giao, tế xã), tế chung được tiến hành về mùa đông... Cũng có

<sup>1</sup> Phần phiên âm và dịch nghĩa trong bài là do người viết dịch.

quy định về vật tế (ứng với mỗi lễ tế khác nhau sẽ có quy định vật tế khác nhau). Ngũ lễ bao gồm *cát* (việc vui mừng), *hung* (việc tang tóc), *quan* (việc binh), *tân* (việc tiếp khách), *gia* (việc cưới xin). Ngũ ngọc tức là ngũ thụ, đó là quy định về năm thứ lễ khí bằng ngọc của các quan được phong tước. Tam bạch là ba thứ lụa dâng vua. Theo quy định thì thế tử con vua nước chư hầu dâng lụa đỏ, các quan giúp việc ba tước công dâng lụa thâm, các quan đứng đầu nước phụ dung dâng lụa vàng. Nhị sinh là hai loài vật còn sống, thể hiện quan chức: quan khanh cầm con dê con còn sống, quan đại phu cầm con nhạn còn sống. Còn nhất tử chi là một con vật đã chết, đó là con trĩ, do quan sĩ cầm. Chim trĩ là loài chim có tập tính cố định khó thay đổi, do đó nó là biểu tượng của người dù chết vẫn giữ khí tiết. Như vậy, lễ biểu hiện ra ngoài qua những quy định mang tính hình thức (đồ vật, màu sắc, cách thức tiến hành lễ nghi...). Những quy định ấy, bên cạnh việc thể hiện niềm tôn kính trong tôn giáo, còn vượt ra khỏi phạm vi tôn giáo, mở rộng ra phạm vi xã hội, nhằm tạo ra và duy trì một xã hội có trên có dưới, có tôn ti trật tự, có phép tắc kỉ cương. Chừng nào lễ còn giữ được thì xã tắc sẽ ổn định. Việc thực hiện theo lễ nghi đã định sẵn là thước đo cái đức của người làm vua: 嗚呼！七世之廟，可以觀德。萬夫之長，可以觀政。（咸有一德）(Wang, 2012, p.42) Ô hô! Thất thế chi miếu, khả dĩ quan đức. Vạn phu chi trưởng, khả dĩ quan chính. (Hàm hữu nhất đức)/ Than ôi, cung phụng tông miếu của tổ tiên bảy đời, qua đó có thể thấy được công đức. Bậc đứng đầu vạn dân, có thể nhìn vào đó để thấy được cái tài về chính sự.

Chính vì thế, đối với người làm vua, việc giữ lễ cũng quan trọng như giữ ngôi báu. Từ vua Thành Thang đến vua Đế Ất, không vua nào không sáng tỏ đức tốt và kính cẩn về việc tế tự đối với thần minh. Còn vua nhà Thương thì không theo điều lễ, không coi trọng việc tế lễ, làm bại hoại những điều nhân nghĩa, cho nên cuối cùng nhà Thương bị diệt vong: 今商王受，狎侮五常，荒怠弗敬。自絕於天，結怨於民……郊祀不修，宗廟不享。（泰誓下）(Wang, 2012, p.439). Kim Thương vương Thụ, hiệp vũ ngũ thường, hoang đãi phát kính, tự tuyệt vu thiên, kết oán vu dân... Giao tự bất tu, tông miếu bất hưởng. (Thái thế hạ) / Nay vua nhà Thương coi thường năm đạo thường, bừa bãi, trể nải, không kính sợ điều gì, trên thì tuyệt mệnh trời, dưới thì kết oán với dân... không tế lễ trời đất, tông miếu cũng không thờ cúng.

*Kinh Thư* phê phán thái độ chệnh mảng đối với việc tế tự và những hành vi bất kính với thần linh: 今殷民，乃攘竊神只之犧牲，用以容，將食無災。（微子）(Wang, 2012, p.135). Kim Ân dân, nãi nhượng thiết thần kì chi hi, toàn, sinh, dụng dĩ dung, tương thực vô tai. / Nay dân nhà Ân cướp cả trâu, bò, dê, lợn dùng để tế thần trên trời, dưới đất. Các quan giữ việc lại dung thứ cho họ, cho mang về ăn, không trách tội.

*Kinh Thư* cũng nêu lên bát chính, tức là 8 loại chính sự, dựa vào đó mà cất đặt các chức quan, trong đó, tế tự đứng vào hàng thứ ba: 一曰食，二曰貨，三曰祀，四曰司空，五曰司徒，六曰司寇，七曰賓，八曰師。（洪範）(Wang, 2012, p.147). Nhất viết thực,

nhị viết hóa, tam viết tế, tứ viết tư không, ngũ viết tư đồ, lục viết tư khấu, thất viết tân, bát viết sư./ Thứ nhất là lương thực, thứ hai là thương nghiệp, thứ ba là tế tự, thứ tư là thủy lợi và xây dựng, thứ năm là về điền thổ và nhân sự, thứ sáu là về hình ngục, thứ bảy là về việc đối đãi chư hầu, thứ tám là quân sự. Như lời vua Thành Vương căn dặn con trưởng vua nhà Ân: 修其禮物，作賓於王家，與國同休，永世有辭。（微子之命）(Wang, 2012, p.455). Tu kì lễ vật, tác tân ư vương gia, dĩ quốc đồng hưu, vĩnh thế hữu từ. / Phải chú việc tế tự, sửa sang lễ vật, làm bậc thượng khách cho nhà vua, để đất nước được thịnh vượng lâu dài, đời đời tiếng thơm còn mãi. Qua đó có thể thấy được tầm quan trọng của việc tế tự đối với chính sự, tôn giáo gắn bó mật thiết với chính trị. Chữ *lễ* ở đây gần như đồng nghĩa với tế tự.

Về các loại nghi thức cúng tế, trong *Kinh Thư* có đề cập các nghi thức sau: *lễ sãi* tế trời, tức *phần sãi*: đốt củi, sau lễ tế trời, những đồ tế lễ như trâu, bò, lợn... đều chất củi đốt, cho hơi bốc lên cao, trời được hưởng (Confucius, 1973, p.217); *lễ tế chung*, tức đại lễ về tháng Chạp; *lễ khóa*, tức rót rượu xuống đất trước hương án, để cầu thần dưới âm (Confucius, 1973, p.317); *lễ ẩm phước*, tức theo lễ, tế gần xong, thần ban phước cho người chủ tế một chén rượu, người chủ tế uống, gọi là ẩm phước. Khi có việc tang thì theo lệ chỉ để đến hàm răng, đến môi mà thôi, không uống chén rượu ẩm phước. (Confucius, 1973, p.403).

Có thể thấy, tế lễ có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tôn giáo cũng như đời sống chính trị xã hội thời bấy giờ. Lễ trong *Kinh Thư* được quy định rất rõ ràng chặt chẽ như trên đã phân tích. Tuy nhiên, tư tưởng về lễ trong *Kinh Thư* không đề cao tính hình thức mà coi trọng lòng thành, thậm chí chủ trương ít lễ: 黷於祭祀，時謂弗欽。禮煩則，事神則難。（說命中）(Wang, 2012, p.419). Độc ư tế tự, thời vị phát khâm. Lễ phiền tác loạn, sự thần tác nan. (*Duyệt mệnh trung*)/ Xem thường việc tế tự, ấy là không biết kính thờ thần. Lễ nhiều thì loạn, thờ thần rất khó.

Tóm lại, *lễ* trong *Kinh Thư* trước hết là những quy định cụ thể về nghi thức tôn giáo, nhưng tôn giáo ở đây gắn liền với chính trị. Nghi thức cúng tế chủ yếu do các vua thực hiện, là thước đo sự anh minh của người trên ngôi báu. Mục đích của việc giữ *lễ* nhằm thể hiện sự kính thần, với mong muốn được thần linh phù trợ cho cơ nghiệp trường tồn.

### 2.2.2. Vai trò của lễ đối với việc giáo hóa, sửa trị lòng người

Trong *Kinh Thư*, *lễ* còn là công cụ không thể thiếu để giáo hóa, sửa trị lòng người: 德日新，萬邦惟懷；志自滿，九族乃離。王懋昭大德，建中於民，以義制事，以禮制心，垂裕後昆。（仲虺之誥）(Wang, 2012, p.383). Đức nhật tân, vạn bang duy hoài. Chí tự mãn, cửu tộc nãi li. Vương mậu chiêu đại đức, kiến trung vu dân. Dĩ nghĩa chế sự, dĩ lễ chế tâm, thủy dụ hậu côn. (*Trọng Hủy chi cáo*)/ Đức độ mỗi ngày một mới, muôn nước đều tâm phục. Nếu tự mình lấy làm mãn chí, thì ngay đến người trong cửu tộc cũng xa cách.

Nhà vua sáng tỏ đức lớn, xây dựng trung đạo cho dân. Lấy điều nghĩa trị việc, lấy lễ để sửa trị lòng người, truyền lại cho đời sau.

Vai trò giáo dục của chữ *lễ* thể hiện ở chỗ *lễ* được dùng như một công cụ để cảm hóa, giáo hóa những người trót mắc sai lầm. Kể cả những người ở ngôi cao, khi mắc sai lầm đều dựa vào *lễ* để làm chuẩn mực tu thân. Điều đó cũng thể hiện tính nhân văn sâu sắc của tinh thần trọng *lễ* trong *Kinh Thư*:

王拜手稽首曰：予小子不明於德。自底不類。欲敗度。縱敗禮。以速戾於厥躬。天作孽。猶可違。自作孽。不可逭。既往背師保之訓。弗克於厥初。尚賴匡救之德。圖惟厥終。（太甲中）(Wang, 2012, p.401-402)

Vương bái thủ khê thủ viết: Du, tiểu tử bất minh ư đức, tự đê bất loại. Dục bại độ tủng bại lễ, dĩ tốc lệ ư quyết cung. Thiên tác nghiệt, do khả vi; tự tác nghiệt, bất khả hóan. Kí vãng, bội Sur, Bảo chỉ huấn, phát khắc vu quyết sơ. Thượng lại khuông cứu chi đức, đồ duy quyết chung. (*Thái Giáp trung*)/ Vua Thái Giáp lay dập đầu nói rằng: “Ta là đứa trẻ con không biết đức tốt, thật là chẳng ra gì. Tham dục làm sai cả phép tắc, phóng túng làm trái cả lễ nghi, tự mình gây ra bao tội lỗi. Trời gieo tai vạ còn có thể tránh được, tự mình gây ra tai vạ thì không thể tránh được. Trước kia làm trái lời dạy của Sur, Bảo, không giữ được như lúc ban đầu. Nay nhờ ơn khuyên bảo cho, để còn lo toan cho ngày sau.”

Tuy nhiên, xét đến cùng thì tác dụng chính của *Lễ* trong *Kinh Thư* chủ yếu là thể hiện trong phạm vi tôn giáo. Tác dụng giáo hóa có được nhắc đến nhưng không nhiều. Với tư cách là một công cụ hữu ích để điều chỉnh hành vi cá nhân, thì mục đích của *lễ* vẫn là nhằm hướng hành vi cá nhân tuân thủ những quy tắc tôn giáo và quy tắc ứng xử trong xã hội, tạo ra một xã hội có tôn ti trật tự và vận hành theo một cơ chế với những chuẩn mực đã được định sẵn.

### 2.3. Tư tưởng trọng lễ trong *Tả Truyện*

#### 2.3.1. Đề cao vai trò của lễ trong đời nội

Chữ *lễ* trong chương *Hoàn Công* của *Tả Truyện* trước tiên cũng thể hiện ở những quy định, quy tắc ứng xử với thần linh. Đó là những quy định được thể hiện cụ thể ra hình thức, được nêu đầy đủ trong *Hoàn Công nhị niên*:

…是以清廟茅屋，大路越席，大羹不致，粢食不鑿，昭其儉也。袞、冕、黻、珽，帶、裳、幅、舄，衡、紕、紘、紝，昭其度也。藻、率、鞞、革，鞶、厲、遊、纓，昭其數也。火、龍、黼、黻，昭其文也。五色比象，昭其物也。錫、鸞、和、鈴，昭其聲也。三辰旂旗，昭其明也。（桓公二年）(Zuo, 2002, p.22)

...thị dĩ thanh miếu mao ốc, đại lộ việt tịch, đại canh bất trí, tư thực bất tạc, chiêu kì kiệm dã. Cỗn, miện, phát, thỉnh, đái, thường, phúc, tích, hành, đăn, hoành, diên, chiêu kì độ dã. Tảo, suất, binh, cách, bàn, lệ, du, anh, chiêu kì số dã. Hoả, long, phủ, phát, chiêu kì văn dã. Ngũ sắc tỉ tượng, chiêu kì vật dã. Tích, loan, hòa, linh, chiêu kì thanh dã. Tam thần kì kì, chiêu kì minh dã.

... Vì vậy lấy rom rạ mà lợp Thái miếu, xe tể trời thì dùng cỏ làm đệm lót, canh để cúng tế thì không thêm gia vị, món chính thì không dùng gạo ngon, đó là để nêu gương tiết kiệm. Lễ

phục, mũ miện, đệm gối khi tế lễ, cái hốt ngọc vua cầm, đai lưng, áo váy, vải buộc chân, giày, đòn ngang xe, dây buộc mũ là để thể hiện chế độ áo mũ. Họa tiết trang trí trên y phục, vàng ngọc nạm trên gươm đao, đai đeo lưng bằng da, dải mũ... biểu thị số lượng quy định đẳng cấp khác nhau. Vẽ lửa, vẽ rồng, thêu màu xanh và đen xen kẽ là để biểu thị văn sức. Năm màu sắc hợp thành các loại hình tượng là để thể hiện sắc thái. Chuông thiếc, chuông ngọc, chuông buộc xe, chuông nhỏ, mỗi loại khác nhau thể hiện thanh âm khác nhau. Vẽ mặt trời, mặt trăng và tinh tú trên cờ để thể hiện ánh sáng.

Những quy định đó là sự cụ thể hóa của lễ, trước tiên là trong quan hệ giữa người với thần linh, sau là trong quan hệ vua tôi, nhằm tạo ra trật tự trong xã hội. *Xuân Thu* cũng quán triệt quan điểm: làm theo quy định là hợp lễ, làm trái quy định là trái lễ. Trong tác phẩm, hành vi nào hợp lễ, hành vi nào trái lễ đều được ghi chú qua một lời bình cụ thể.

Lễ quy định thời gian tiến hành các nghi thức cúng tế. Về các lễ tế trong năm thì *Xuân Thu* và *Kinh Thu* có điểm thống nhất. Tuy nhiên, *Xuân Thu* nhấn mạnh: Nếu việc cúng tế diễn ra đúng theo thời gian đã quy định là hợp lễ, nếu quá thời gian quy định mới tiến hành thì *Xuân Thu* cũng ghi lại để đánh dấu sự bất thường. Như vậy, rõ ràng thời điểm cúng tế rất quan trọng: 秋，大雩。書，不時也。凡祀，啟蟄而郊，龍見而雩，始殺而嘗，閉蟄而烝。過則書。（桓公五年）(Zuo, 2002, p.27). Thu, đại vu. Thu, bất thời dã. Phàm tự, khải trập nhi giao, long hiện nhi vu, thủy sát nhi thường, bế trập nhi chung, quá tác thu.” (*Hoàn Công ngũ niên*)/ Mùa thu tiến hành lễ cầu mưa. Chép lại vì lễ tế không đúng mùa. Phàm việc cúng tế, đầu xuân tế Giao, đầu hạ tế Vu, đầu thu tế Thường, đầu đông tế Chung. Nếu tế sai mùa thì ghi chép. (*Hoàn Công năm thứ 5*)

Về lễ vật, *Xuân Thu* cũng có ghi chép lại những quy định cụ thể: 九月丁卯，子同生，以大子生之禮舉之，接以大牢，荀士負之，士妻食之。公與文姜、宗婦命之。

（桓公六年）(Zuo, 2002, p.28). Cứu nguyệt Đinh Mão, tử Đồng sinh. Dĩ thái tử sinh chi lễ cử chi: tiếp dĩ thái lao, bốc sĩ phụ chi, sĩ thê tự chi, công dữ Văn Khương, Tông Phụ mệnh chi. (*Hoàn Công lục niên*)/ Ngày Đinh mão tháng 9, sinh con là Đồng, cử hành lễ sinh Thái tử, phụ thân cử hành Thái lao, bốc toán để chọn ra người bồng bế và người nuôi dưỡng. Công cùng với Văn Khương và Tông phụ nhân đặt tên cho.

*Lao* là con vật giết dùng trong tế lễ. *Thái lao* gồm cừ, bò và heo (là lễ dành cho Thiên tử), còn *thiếu lao* chỉ gồm cừ và heo (là lễ dành cho chư hầu). Ta thấy, lễ vật dùng trong cúng tế đã thể hiện tính tôn ti trật tự. Trong *Kinh Thu*, ý nghĩa của vật tế thể hiện mối quan hệ giữa người - thần linh và mối quan hệ giữa người với người thuộc giai cấp quý tộc (chủ yếu thể hiện ở sự phân biệt đẳng cấp, quan tước...). Còn trong *Xuân Thu*, do đặc điểm lịch sử của thời đại, ý nghĩa của lễ không còn bó hẹp trong phạm vi mối quan hệ tôn giáo và quan hệ xã hội mà còn mở rộng đến quan hệ bang giao (thể hiện tôn ti trật tự giữa nước lớn và nước nhỏ, nước của Thiên tử và nước của chư hầu).

Tuy nhiên, lễ không phải chỉ đơn thuần là những việc làm hay những quy định mang tính hình thức. Trong *Kinh Thu* và *Tả Truyện*, lòng thành và đức độ của người chủ tế đều

được đặc biệt đề cao: 帝曰：“咨！四嶽，有能典朕三禮？” 兪曰：“伯夷” 帝曰：“俞，咨！伯，汝作秩宗。夙夜惟寅，直哉惟清。”（舜典）(Wang, 2012, p.27). Đế viết: “Tu! Tứ nhạc, hữu năng điển trẫm tam lễ?” Thiêm viết: “Bá Di” Đế viết: “Du! Tư Bá! Nhữ tác trật tông túc dạ duy dân trực tai duy thanh.” (*Thuấn Điển*)/ Vua nói rằng: “Hỡi quan Tứ nhạc, ai có thể giữ được ba lễ: tế trời, tế đất, tế bách thần cho trẫm?” Các quan đều thưa rằng có thầy Bá Di. Vua nói rằng: “Phải lắm, thầy Bá! Ngươi làm quan trông coi việc tế tự ở tông miếu, sớm tối kính cẩn, chính trực thanh khiết.”

Vua Thuấn chọn người hiền tài, đức độ để thay mình thực hiện ba lễ. Bên cạnh đức độ và sự chính trực, vua còn đặc biệt coi trọng thái độ kính cẩn của người hành lễ. Và Bá Di là người phù hợp. *Kinh Thư* hay đề cập đến chữ *Kính*, bao gồm *kính thần linh*, *kính dân*, *kính sự*. *Kính dân* là thái độ kính cẩn đối với dân, *kính sự* là thái độ kính cẩn trong công việc. Làm việc có lợi cho dân là xuất phát từ lòng kính dân, ngay cả khi giáo hóa dân cũng phải thể hiện sự kính cẩn. *Kính sự* là thái độ khi làm việc: Làm bất cứ việc gì cũng phải làm bằng thái độ kính cẩn đối với công việc mình đang làm. Đó là yêu cầu đối với vua quan. Còn *Tả Truyện* thì lại nhấn mạnh đến sự đức độ và lòng thành của người tế lễ, ở đây vua là người trực tiếp tế. Cái đức của người làm vua thể hiện ở tấm lòng yêu kính nhân dân:

夫民，神之主也。是以聖王先成民而後致力於神。故奉牲以告曰『博碩肥腍』，謂民力之普存也，謂其畜之碩大蕃滋也，謂其不疾疫蠹也，謂其備腍臠有也。奉盛以告曰『潔粢豐盛』，謂其三時不害而民和年豐也。奉酒醴以告曰『嘉粟旨酒』，謂其上下皆有嘉德而無違心也。所謂馨香，無譏慝也。故務其三時，修其五教，親其九族，以致其禋祀。於是乎民和而神降之福，故動則有成。今民各有心，而鬼神乏主，君雖獨豐，其何福之有！君姑修政而親兄弟之國，庶免於難。（桓公六年）(Zuo, 2002, p.28)

Phù dân, thần chi chủ dã, thị dĩ thánh vương tiên thành dân nhi hậu trí lực vu thần. Cố phụng sinh dĩ cáo, viết: “Bác thạc phì đột, vị dân lực chi phổ tồn dã, vị kì súc chi thạc đại phiễn tư dã, vị kì bất tật thốc lễ dã, vị kì bị đột hàm hữu dã. Phụng thỉnh dĩ cáo, viết: Khiết tư phong thịnh. Vị kì tam thời bất hại nhi dân hoà niên phong dã. Phụng tửu lễ dĩ cáo viết: “Gia lật chi tửu”, vị kì thượng hạ giai hữu gia đức nhi vô vi tâm dã. Sở vị hình hương, vô sàm thác dã. Cố vụ kì tam thời, tu kì ngũ giáo, thân kì cửu tộc, dĩ trí kì yên tự, ư thị hồ dân hoà nhi thần giáng chi phúc, cố động tắc hữu thành. Kim dân các hữu tâm, nhi quý thần phạp chủ, quân tuy độc phong, kì hà phúc chi hữu? Quân cô tu chính nhi thân huynh đệ chi quốc, thứ miễn ư nạn.” (*Hoàn Công lục niên*)/ Dân chính là chủ của thần, cho nên bậc thánh vương trước lo xong cho dân rồi sau mới tận lực với thần. Cho nên lúc dâng vật tế cầu nguyện rằng: “Vật tế to béo” ý nói dân được yên ổn làm ăn mới nuôi được béo tốt mà lại sinh sôi nảy nở không ngừng, không bệnh tật, mới dâng cúng được đầy đủ. Dâng lễ vật lên cúng, thưa rằng: “Tinh khiết, thịnh soạn”, ý nói ba mùa xuân, hạ, thu không có thiên tai, dân chúng an lạc, mùa màng bội thu. Dâng rượu ngon để cúng, khấn rằng: “Rượu thơm ngon vô cùng”, ý nói vua tôi trên dưới đều đức hạnh không có tà tâm. Gọi là thơm ngon, ý nói không gian dối. Cho nên nếu thuận theo ba mùa, chăm lo ngũ giáo, thân hoà cửu tộc, dùng những việc đó mà tế



thần linh thì bách tính an lạc mà thần lại giáng phúc cho. Do đó làm việc gì cũng thành. Nay dân mỗi người một ý khác nhau, quý thần thiếu chủ, quân vương một mình tế rất phong thịnh, thế thì mong được phúc gì? Bệ hạ hãy lo tu sửa triều chính, thân cận với các nước anh em thì có thể tránh được họa nạn.”

Như vậy, động cơ, mục đích của việc tế lễ cũng là lấy dân làm gốc. Cúng tế là để an dân. Lễ trọng và lòng thành phản ánh cuộc sống đầy đủ sung túc của dân, do đó người ở ngôi cao nếu muốn thể hiện lòng tôn kính đối với thần linh thì trước tiên phải biết đoàn kết toàn dân, chăm lo cho cuộc sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân, cụ thể là chăm lo cho sản xuất, coi trọng việc giáo dục nhân dân, đối nội thì tu sửa triều chính, đối ngoại thì thân cận với các nước anh em. Dân được yên vui, đời sống sung túc thì lễ vật cúng tế phong thịnh. Yêu dân, an dân chính là cách tốt nhất để thể hiện sự tôn kính và lòng thành đối với thần linh. Lễ ở đây không đơn thuần là những nghi thức cúng tế mang tính hình thức (mâm cao cỗ đầy hay những lời khấn vái sàm nịnh) mà lễ với thần linh được thể hiện bằng những việc làm lợi dân, an dân. Hay nói cách khác, lễ gắn liền với đạo, trung và tín. Đây là tư tưởng chính trị rất tiên bộ của *Tả Truyện*. Có thể thấy được tư tưởng trọng dân trong *Tả Truyện* là sự nối tiếp của tư tưởng kính dân, lấy dân làm gốc trong *Kinh Thư*. Duy trì lễ là một chủ trương quan trọng trong các chính sách đối nội thời bấy giờ.

### 2.3.2. Đề cao vai trò của lễ trong đối ngoại

Xuân Thu là một thời đại rối ren loạn lạc. Nhà Chu lúc bấy giờ tuy vẫn ở ngôi Thiên tử nhưng thực chất đã bước vào giai đoạn suy yếu, phải dời đô về Lạc Ấp, lãnh thổ thu hẹp, quyền bính suy giảm, không còn thực quyền và không còn được hơn trăm nước chư hầu tôn trọng. Chiến tranh xảy ra liên miên. Cho nên tư tưởng về lễ trong *Xuân Thu* là sự nỗ lực khôi phục cái lễ nhà Chu của Khổng Tử. *Hoàn Công ngũ niên* có ghi lại sự kiện chiến tranh Chu - Trịnh. Đúng như những gì Tử Nguyên dự liệu, Chu quân đại bại. Đối với tàn quân, Trịnh Trang Công không truy kích mà đối xử rất nhân từ: nửa đêm sai Tế Trọng đi an ủi Chu thiên tử, đồng thời thăm hỏi tuyền tòng của Chu vương, thể hiện sự trọng nghĩa, kính Thiên tử. Tuy nhiên, một sự thật không thể phủ nhận là cái lễ nhà Chu ở vào thời điểm ấy không còn duy trì được trạng thái của một xã hội lí tưởng, ngược lại, lại chính là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp của nhiều cuộc xung đột. *Hoàn Công lục niên* có chép:

北戎伐齊，齊使乞師於鄭。鄭大子忽帥師救齊。六月，大敗戎師，獲其二帥大良、少良，甲首三百，以獻於齊。於是，諸侯之大夫戍齊，齊人饋之餼，使魯為其班，後鄭。鄭忽以其有功也，怒，故有郎之師。（桓公六年）(Zuo, 2002, p.28)

Bắc Nhung phạt Tề, Tề sử khất sư vu Trịnh. Trịnh Thái Tử Hốt soái sư cứu Tề. Lục nguyệt, đại bại Nhung sư, hoạch kì nhị soái Đại Lương, Thiệu Lương, giáp thủ tam bách, dĩ hiến ư Tề. Ư thị chư hầu chi đại phu thủ Tề, Tề nhân quỹ chi hí, sử Lỗ vi kì ban, hậu Trịnh. Trịnh Hốt dĩ kì hữu công dã, nộ, cố hữu Lang chi sư./ Giặc Nhung ở phía bắc tấn công nước Tề. Tề hầu phái sứ giả cầu viện nước Trịnh. Thái tử Hốt đưa quân đi cứu viện, tháng 6 đánh bại quân Nhung, bắt được hai tướng Đại Lương, Thiệu Lương, chặt đầu ba trăm giáp sĩ, đem

dâng cho nước Tề. Lúc bấy giờ quan đại phu các nước chư hầu đang phòng thủ biên giới nước Tề, người nước Tề mang lương thực, thực phẩm cho họ, để cho nước Lỗ xác định thứ tự trước sau nhận lương thực. Nước Lỗ dựa vào thứ tự phong tước trước kia của nhà Chu, xếp nước Trịnh vào thứ tự nhận lương thực sau cùng. Thái tử Hốt cho rằng mình có công lao mà lại bị đối xử như vậy nên rất tức giận, đó là nguyên do của cuộc chiến tại đất Lang.

Một điểm khác biệt rất rõ giữa tư tưởng về lễ trong *Kinh Thư* và lễ trong *Tả Truyện* đó là vai trò của lễ trong quan hệ bang giao. *Kinh Thư* hầu như không đề cập đến việc này nhưng nó lại là một đặc điểm nổi bật của tư tưởng về chữ lễ trong *Tả Truyện*. Trong *Tả Truyện*, lễ quy định nhiều nghi thức bang giao. Ví dụ, quy định nơi hội kiến giữa các nước, quy định về việc tống giá và những quy tắc ứng xử cụ thể trong quá trình đi sứ, hội kiến, quan hệ ứng xử giữa các nước trước và sau chiến tranh. Về nơi hội kiến giữa các nước, *Hoàn Công năm thứ hai* có ghi rõ: 特相會, 往來稱地, 讓事也。自參以上, 則往稱地, 來稱會, 成事也。(桓公二年)(Zuo, 2002, p.22). Đặc trưng hội, vãng lai xưng địa, nhượng sự dã. Tự tam dĩ thượng, tắc vãng xưng địa, lai xưng hội, thành sự dã.’/ Vua hai nước gặp nhau thì khi đi cũng như khi về chỉ ghi tên đất nơi gặp để thể hiện thái độ nhường nhau vai trò làm chủ cuộc hội kiến. Nếu ba vua trở lên thì lúc đi đến nước khác mới ghi nơi hội kiến. Vua nước khác đến thì không ghi nơi hội kiến mà chỉ ghi lại cuộc họp, vì mình chủ đã định rõ rồi.

Về quy định của lễ trong việc tống giá có thể nhắc đến sự kiện “Tề Hầu tống Khương thị ư Hoan”, xảy ra vào năm *Hoàn Công* thứ ba. Phần *Kinh* chỉ nhắc đến sự kiện mà không bình luận gì. Phần *Truyện* bình luận sự kiện này là không hợp lễ chế. Bên cạnh việc phê phán những việc làm trái lễ, truyện cũng giải thích cụ thể như thế nào mới là hợp lễ. Theo lễ quy định, phụ nữ một nước gả cho một nước ngang hàng khác, nếu là chị em gái của vua thì phải được thượng khanh tống giá để biểu thị sự tôn kính đối với tiên quân. Nếu là con gái của vua thì hạ khanh tống giá. Về hôn sự giữa các nước lớn thì dù là con gái vua cũng phải được thượng khanh tống giá. Nếu gả cho thiên tử, các vị đại thần đều phải đi tiễn, vua không tự mình đưa đi. Gả sang nước nhỏ thì do thượng đại phu tống giá.

Tóm lại, *Tả Truyện* là bộ biên niên sử viết về cục diện các nước, lịch sử và mối quan hệ bang giao giữa các nước. Công dụng của lễ chủ yếu thể hiện trên lĩnh vực chính trị xã hội. Xét về lí thuyết thì lễ có rất nhiều công dụng. Thứ nhất là lễ dùng để trị nước. Thông qua một hệ thống những quy tắc, quy định rõ ràng và chặt chẽ, cụ thể đối với từng đối tượng, bao quát hết tất cả mọi lĩnh vực, người cầm quyền có thể dùng lễ như một công cụ để quản lí nhà nước và sửa trị muôn dân. Lễ giúp điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân, là cơ sở để luận công, luận tội, điều chỉnh các mối quan hệ vua tôi, anh em, vợ chồng và quan hệ giữa các nước với nhau. Nhờ đó mà lễ giúp duy trì tôn ti trật tự trong gia đình cũng như ngoài xã hội, duy trì mối giao hảo giữa các nước. Tuy nhiên, xét về thực tiễn lịch sử những năm *Hoàn Công* được ghi chép trong *Tả Truyện*, lễ nhà Chu đã không còn được tôn trọng, khiến cho thời đại này trở nên tao loạn. Riêng nước Tống, sau khi Tống Thương Công lên

ngôi, chỉ trong mười năm mà đã xảy ra mười một cuộc chiến tranh. Nguyên nhân của những xung đột chung quy cũng là từ việc nước nhỏ thất kính, thất lễ với nước lớn, biểu hiện ở việc không đến hội kiến, từ chối liên minh hoặc đưa ra những yêu sách quá đáng... Về mặt hình thức, có vẻ như vì đề cao tinh thần trọng lễ nên vi phạm lễ chế ắt có xảy ra giao tranh. Nhưng về thực chất, nguyên nhân chiến tranh đa phần là do mâu thuẫn về quyền lợi giữa các tập đoàn phong kiến. Việc bất kính, thất lễ trong bang giao có khi chỉ là cái cớ để phát động chiến tranh.

Như vậy, tư tưởng trọng lễ trong chương *Hoàn Công* của *Tả Truyện* kế thừa tư tưởng của *Kinh Thư* ở khía cạnh coi trọng những nghi thức tế lễ tôn giáo và thông qua lễ để làm yên lòng dân. Trong *Kinh Thư*, lễ chủ yếu thể hiện ở thái độ kính dân, kính sự, còn trong *Tả Truyện* là tư tưởng trọng dân hơn trọng thần, lấy dân làm gốc. Trong *Tả Truyện*, vai trò của lễ trong đối nội và bang giao đặc biệt được nhấn mạnh. Việc thất lễ gây ra hậu quả nghiêm trọng, phá vỡ các mối quan hệ và thường dẫn đến xung đột, chiến tranh. Lễ trong *Tả Truyện* có quan hệ chặt chẽ với *đạo*, *trung* và *tín*, chúng ảnh hưởng qua lại, chi phối lẫn nhau và bổ sung cho nhau.

### 3. Kết luận

Chữ lễ trong chương *Hoàn Công* của *Tả Truyện* và lễ trong *Kinh Thư* đều là một phạm trù có nội hàm rất rộng bao gồm tất cả những nghi lễ cúng tế, quy tắc ứng xử giữa người với thần linh, ứng xử giữa người với người, ứng xử giữa các nước trong quan hệ đối ngoại và những quy định mang tính khuôn mẫu trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống. Trong *Xuân Thu Tả Truyện*, lễ là công cụ để ổn định và duy trì tôn ti trật tự trong xã hội, duy trì mối quan hệ hoà hiếu giữa các nước. Lễ trong *Kinh Thư* chủ yếu thể hiện quy tắc ứng xử giữa người với thần, khi mà mối quan hệ giữa người và người, giữa quốc gia này với quốc gia khác chưa trở nên phức tạp. Còn trong *Tả Truyện*, ở vào thời buổi mà nhà Chu đã suy vi, chư hầu thôn tính lẫn nhau, tư tưởng về lễ trong *Tả Truyện* thể hiện sự nỗ lực khôi phục cái lễ nhà Chu, đồng thời cũng cho thấy sự bất lực khi mà nhà Chu đã suy vi. Ngoài tác dụng duy trì những lễ nghi tôn giáo, tư tưởng về lễ còn có ảnh hưởng to lớn đến các phương diện đối nội lẫn đối ngoại của nhà nước phong kiến tập quyền. Lễ trong *Kinh Thư* gắn liền với *kính*, còn lễ trong *Xuân Thu Tả Truyện* gắn bó chặt chẽ với *đạo*, *trung* và *tín*. Tuy tư tưởng trọng lễ trong hai tác phẩm có những biểu hiện giống và khác nhau, phạm vi của chữ lễ cũng rộng hẹp khác nhau nhưng không thể phủ nhận được sự kế thừa, tiếp nối của tư tưởng qua các thời đại.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Confucius (1963). *Kinh thu [The Classic of History]*. Trans. Nhung Tong. Hanoi: Tan Viet Publishing House.
- Confucius (1973). *Kinh thu [The Classic of History]*. Trans. Tham Quynh. Hanoi: Ministry of Education and Training Localisation research center.
- Doan, T. C. (2006). *Tu thu [The four books]*. Hue: Thuan Hoa Publishing House.
- Hu, S. (2004). *Zhongguo zhe xue shi dagang [Trung Quoc triet hoc su dai cuong]*. Trans. Minh Duc. Hanoi: Information Culture Publishing House.
- Kim, D. (1973). *Tinh hoa ngu dien [The five classics]*. Hanoi: Ray of light Publishing House.
- Nguyen, T. N. (1999). *Kinh le [The book of rites]*. Ha Noi: Literature Publishing House.
- Shu, X. C., Chen, W. D. (1999). *Ci hai zi dian*. Shanghai: Shanghai Lexicographical Publishing House.
- Wang, C. Y., & Wang, S. J. (2012). *Shang shu [Thuong thu]*. Beijing: Zhonghua Book Company.
- Xu, S. (2001). *Shuo wen jie zi*. Shanghai: Shanghai Classic Publishing House.
- Zuo, Q. M. (2002). *Chun qiu zuo zhuan*. Beijing: Hua Ling Publishing House.

---

**THE COMPARISON BETWEEN THE CONCEPTS OF RITE  
IN KINH THU (THE BOOK OF HISTORY) AND XUAN THU TA TRUYEN  
(THE ANNALS OF SPRING AND AUTUMN) AND THE TRADITION OR COMMENTARY  
(HUAN GONG PART)**

**Pham Thi Thuy Hang**

*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

*Corresponding author: Pham Thi Thuy Hang – Email: hangpth@hcmue.edu.vn*

*Received: November 02, 2021; Revised: December 29, 2021; Accepted: January 20, 2022*

**ABSTRACT**

*Rite is one of the most important beliefs of Confucianism, which was mentioned in most Classics of Confucianism in various forms and aspects. The book of history and Spring and Autumn Annals and the Tradition or Commentary also mentioned rites. The rite concepts in these two books share some similarities, but there are still many differences. Within the scope of this paper, the writers will analyse the similarities and the differences of the rite concepts in these two books. First, the changes in the rite concepts resulted from the inevitable changes in history. Second, the similarities in the rite concepts in the two books revealed the inheritance of a tradition, while the differences reflected the uniqueness of that period, its historical, and social factors. More particularly, under the impacts of the historical and social factors, the rite concepts in The book of history were mainly shown within a nation's boundary, while the rite concept in Spring and Autumn Annals and the Tradition or Commentary had broader impacts, not only on the politics of a nation and its society but on international relations.*

**Keywords:** classics of Confucianism; Rite; Spring and Autumn Annals and the Tradition or Commentary; The book of history